TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HN-ST
Ngày: 11/8/2023
V/v: *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ – TP. CẦN THƠ

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thọ
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 , giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số D, Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số A, ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Bích T *theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa như sau:*

Bà và ông Đ thông qua mai mối tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2017, chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có một người con chung là Trần Thiện T1 (nam), sinh ngày 20/3/2019.

Ban đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, mẫu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được. Ông Đ thường xuyên gây cãi không cho bà ở chung nhà, nhiều lần bà thương chồng con nên đã tha thứ cho ông Đ nhưng ông Đ không thay đổi tính cách để cùng bà chăm lo cho gia đình. Đến tháng 02/2023 bà về sinh sống cùng cha mẹ bà đến nay. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có một người con chung là Trần Thiện T1 (nam), sinh ngày 20/3/2019. Cháu T1 từ nhỏ đã sinh sống cùng bà nên nay bà yêu cầu giành quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần trình bày của bị đơn ông Trần Quốc Đ *theo bản tự khai và tại phiên tòa như sau:*

Ông và bà T thông qua mai mối quen biết nhau và có tổ chức lễ cưới như bà T đã trình bày, ông bà không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có một người con chung là Trần Thiện T1 (nam), sinh ngày 20/3/2019. Ban đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông và bà T thường xuyên gây cãi, không còn tiếng nói chung. Hiện tại ông không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có một người con chung là Trần Thiện T1 (nam), sinh ngày 20/3/2019. Ông thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T và bị đơn ông Đ thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Ông Đ đồng ý giao cháu Trần Thiện T1 (nam), sinh ngày 20/3/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bích T và ông Trần Quốc Đ.

- Về con chung: Các bên đương sự thống nhất giao con chung Trần Thiện T1 (nam), sinh ngày 20/3/2019 cho bà Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Bích T và ông Trần Quốc Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc ngành Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Trần Quốc Đ có địa chỉ cư trú tại số A, ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Bích T, nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà không cùng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, mẫu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được. Bị đơn ông Đ không cho bà ở chung nhà, nhiều lần bà thương chồng con nên đã tha thứ cho ông Đ nhưng ông Đ không thay đổi tính cách để cùng bà chăm lo cho gia đình. Đến tháng 02/2023 bà về sinh sống cùng cha mẹ bà đến nay. Tại phiên tòa, bị đơn ông Đ cũng xác định giữa ông và bà T có nhiều mâu thuẫn như nguyên đơn bà T đã trình bày. Xét mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T, ông Đ, Tòa án chỉ giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung giữa các đương sự.

Về con chung: Bà T, ông Đ1 có một người con chung là Trần Thiện T1 (nam), sinh ngày 20/3/2019. Các bên thống nhất giao cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của ông nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn ông Đ được quyền thăm nom, giáo dục con chung và không ai được quyền cản trở bị đơn thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định hiện tại không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 232, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 14, Điều 15, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích T đối với bị đơn ông Trần Quốc Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bích T và ông Trần Quốc Đ.

Về con chung: Giao con chung Trần Thiện T1 (nam), sinh ngày 20/3/2019 cho bà Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0009967 ngày 05/6/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Trung Hậu

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND H. Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS H. Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.